

PHÁP MÔN KHÔNG HAI

MỞ ĐẦU

Năm 1984, tất cả quý vị đến chúc mừng năm mới, tôi có nhiều lời nói chuyện cùng quý vị gọi là nhắc nhở nhau trên con đường tu hành, để mọi người có đầy đủ tư liệu giác ngộ và giải thoát.

Điều chúng tôi muốn nói thẳng hôm nay là PHÁP MÔN KHÔNG HAI hay là Bát Nhị Pháp môn. Nói không hai đây, tôi sẽ chỉ dẫn từ Kinh đến Thiền để quý vị thấy và nghiền ngẫm đạo lý rõ ràng trên đường tu để khỏi ngờ vực, hoặc mắc phải bệnh thiên chấp, hoặc bệnh này nọ.

KINH BÁT NHÃ

Tất cả người tu muốn thoát khổ được vui không gì hơn dùng trí huệ Bát nhã khai sáng, phá tan mọi chấp mê của mình, mới được hết khổ. Vì vậy mở đầu kinh Bát Nhã nói về pháp môn không hai thế nào? Tôi dẫn câu: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc", như vậy sắc và không là hai, ở đây tinh thần Bát nhã cho ta thấy sắc chính là không, không chính là sắc, ngay trong sắc đã là không, ngay trong không đã là sắc thì làm sao có hai? Đó là tinh thần Bát nhã. Tại sao sắc tức không, không tức sắc? Tôi xin nói về hai mặt.

1. Mặt thứ nhất là trong sắc có không, tức là không và sắc tương đối. Trong sắc có không thế nào? Gần đây quý vị nghe rõ tinh thần khoa học nhờ kính hiển vi, người ta nhìn thấy phần Không nhiều hơn Sắc. Như vậy trong sắc đã nhóm chứa không rồi. Thân chúng ta khi nghiệp hết thì không nhiều hay sắc nhiều? Mỗi lỗ chân lông thừa rồi bỏ, lỗ mũi, lỗ tai, miệng tất cả đều thừa bỏ mới có không khí vào, mới có thức ăn luân chuyển ở trong. Chính cái thân sắc chất này mang đầy cái không, ở trong cái không cũng mang đầy đủ hình sắc vi tế nhỏ nhưt mà mắt chúng ta không nhìn thấy được, phải dùng kính hiển vi phóng rọi ra mới thấy đầy đủ hình sắc trong đó. Như vậy không, không hẳn là không, không hẳn là sắc mà cái này đã có cái kia, ngay cái kia đã có cái này. Vậy thấy rõ không và sắc là hai các đối đãi cho đến thị phi, hữu vô v.v...đều nằm trong đối đãi ấy. Tất cả đối đãi đều là không thực, chỉ gượng tạm nói. Với trí tuệ Bát nhã thấy không có cái không cũng ngoài cái không. Đó là tôi nói cái "Không đối đãi", do duyên hợp mà có, nhiều yếu

tổ, nhiều nguyên nhân hợp lại thành. Do nhiều thứ hợp thành nên không thể cố định, chỉ là tùy duyên. Đủ duyên thì hợp, gọi là có, thiếu duyên thì tan, gọi là không. Vậy thì cái hiện có là duyên chứ không có tự tánh, không có tự tánh nên gọi là không.

Tuy mắt thấy có mà tự tánh là không. Cũng cái không, tuy không mà không cố định là không, tại sao? Vì đủ duyên hợp thành sắc, đang trong không mà có cái gì hợp lại, hoặc là đất, đá, nhà cửa v.v... thì ngay trong không biến thành sắc, ngay trong sắc đổi thành không.

2. Sắc và không đều là tướng của duyên, nên không có tự tánh, cũng vẫn là không. Có đã là không thì không chấp có thực, không đã là có thì không chấp không thực. Không chấp có thực, không chấp không thực, tức là khi nói cái đó là có mà người khác nói là không thì mình nên cãi không? Bởi vì mình thấy có không thực có, không không thực không thì nên cãi làm gì?

Quý vị thấy rõ ràng sắc và không không hai thì chúng ta mất hết những niệm tranh hơn thua, phải quấy. Nếu chúng ta không tranh hơn thua, phải quấy, chúng ta có phiền não không? Sở dĩ chúng ta giận người này, buồn người kia là tại mình nói cái này phải, người khác nói quấy, mình nói cái này quấy, họ nói phải. Hai cái khác nhau nên có sự chống đối sanh bực bội, đó là phiền não. Chúng ta thấy tường tận: Sắc và không không hai thì có không, phải quấy, tốt xấu cũng không hai. Tất cả đối đãi đều không có thực. Bởi không có thực hay không cố định, nên chúng ta đừng chấp thì không còn khổ não. Đó là một lối tu rất dễ, rất gần, cho nên sắc không của Bát nhã cho ta thấy rõ tất cả sự vật ở thế gian thì phương tiện, ngữ ngôn tạm đặt là có hoặc không, thiện hoặc ác, phải hoặc quấy. Tạm đặt để dùng chớ không phải là cứu cánh, không phải là chân lý. Hiểu như vậy chúng ta đừng chấp, chúng ta sẽ tự tại trước mọi hình tướng đổi thay, trước mọi ngôn ngữ sai biệt, không còn phiền não. Vì vậy quý vị nhớ trong nhà Phật nói: "Phiền nào tức Bồ đề" phải vậy không? Không phải rời phiền não mà có Bồ đề riêng như thế gian nói: "Tôi phiền não quá", phiền não là tâm điên đảo, rối rắm. Bồ đề là tâm thanh tịnh, giác ngộ, người ta nói phiền não là khác với giác ngộ, giác ngộ là khác với phiền não. Phật giáo đại thừa thấy ngay trong phiền não là Bồ đề. Bồ đề không khéo thì thành phiền não. Như vậy phiền não tức Bồ đề sao? Bồ đề tức phiền não sao? Tôi thí dụ, mình lên chùa tụng kinh là

Bồ đề đến trước Phật trang nghiêm tưng kình, mà người đánh mõ không vừa ý liền nổi sân lên, tức Bồ đề là phiền não vậy.

Sao là phiền não tức Bồ đề? Ví dụ mình đang giận một huynh đệ nào đó, giận đỏ mặt thì là phiền não. Khi ấy bất thần có một sư huynh đi ngang qua thấy nói: "Đã tu mà còn giận sao?" Mình thấy xấu hổ, tâm lặng lẽ thanh tịnh lại, tức phiền não thành Bồ đề, khỏi tìm kiếm đâu xa. Quý vị thấy phiền não, Bồ đề đâu xa. Tâm dấy lên điên đảo là phiền não, lặng xuống thì thanh tịnh là Bồ đề. Ngay trong Bồ đề không khéo biến thành phiền não. Không có hai thứ xen vô, chúng ta khéo tu thấy rõ hai cái không rời nhau, ngay phiền não chuyển thành Bồ đề, không khéo Bồ đề biến thành phiền não. Đây là nói chút ít để quý vị hiểu lý "sắc tức thị không, không tức thị sắc", cũng tương tự như vậy. Đó là dẫn đại khái kinh Bát Nhã cho quý vị thấy lý không hai.

KINH PHÁP HOA

Theo kinh Pháp Hoa, quý vị tụng "Phẩm Tựa" tức là phẩm mở đầu, quý vị thấy Phật dạy điều gì trong ấy? Phật không nói câu nào hết. Thấy ngài ngồi kiết già, lông trắng giữa chạn mây phóng một luồng hào quang soi thấu đến cõi trời Hữu Đảnh, nương theo hào quang đó người ta thấy các vị Bồ tát tu nhân thành đạo, tu nhân thành quả rất rõ ràng. Luồng hào quang đó soi thấu xuống địa ngục A Tỳ, đại chúng nương hào quang thấy nhân nào? tạo nhân gì? tạo nghiệp gì? đọa địa ngục thứ mấy? Thấy rõ hết, nghĩa là người nào cũng biết từ nhân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cho tới nhân Thanh văn, Bồ tát đều thấy rõ ràng. Như vậy Phật muốn nói cái gì? Chạn mây là hai bên, phải vậy không? Là không hai bên. Hào quang tượng trưng cho trí huệ, giữa chạn mây là không kẹt hai bên, trí huệ không kẹt hai bên mới thấy tốt cùng lẽ giải thoát thành Phật. Trí không mắc kẹt hai bên, trong kinh Pháp Hoa gọi là tri kiến Phật (Trí không kẹt hai bên). Nếu quý vị đọc lại sẽ thấy rõ ràng, bởi vì tri kiến Phật, mới thấy rõ nhân sanh tử luân hồi, nhân Bồ đề, Niết Bàn, giải thoát. Người nào thấy được trí đó sẽ thành Phật. Vì Phật thấy rõ luân hồi sanh tử của chúng sanh: nhân thế nào? Quả thế nào? Phật đều thấy rõ, ngài thấy rõ nhân thế nào giải thoát đến quả Bồ đề. Như vậy thấy rõ hai manh mối đó, kết quả của con đường đó tức là Phật. Tri kiến Phật là không kẹt hai bên, thấy rõ lý luân hồi sanh tử và lý giải thoát sanh tử, không còn nghi ngờ, đạt tới chỗ viên mãn, đó là Phật.

Đến phẩm thứ 12 là phẩm Đề Bà Đạt Đa. Quý vị nhớ bà Long Nữ bao nhiêu tuổi? Người ta kêu nàng Long nữ, nhưng tôi kêu bà Long nữ. Trong hội Pháp Hoa và bà Long nữ tám tuổi, nay đã trên hai ngàn năm rồi thì kêu bằng bà gì mới được. Tôi kêu bằng bà cũng chưa xứng. Bà Long nữ do ngài Văn Thù giáo hóa nhận ra tri kiến Phật. Tri kiến Phật không có hai bên thì có mắc kẹt không? Không mắc kẹt nam nữ, vì nam nữ là hai bên mà tri kiến Phật không kẹt nữ nam.

Than ôi! Gần đây người ta tu hành lại cầu chuyển nữ thành nam để tu hành tinh tấn giáo hóa chúng sanh, chứ mang thân nữ nghiệp chướng ê chề tu hành không tiến. Ngay nơi tri kiến Phật không có nam nữ. Mình sống với tri kiến Phật không thật có nam nữ thì chuyển nữ thành nam làm gì cho mất công. Bồ tát Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù đi giáo hóa ở Long Cung có vị nào ngộ đạo chưa? Bồ tát Văn Thù nói có. Một lúc bà Long nữ xuất hiện, ngài Trí Tích và Xá Lợi Phất khởi nghi, vì Phật nói người nữ có chín điều chướng không thể thành Phật, thành ma vương còn không được, huống là thành Phật. Bà Long nữ còn là con nít, là người nữ, cộng thêm là súc sanh. Ba thứ tệ như vậy mà ngài Văn Thù nói đó là người ngộ đạo thì ngài Xá Lợi Phất làm sao tin nổi. Bà Long nữ biết hai ngài không tin, cho nên đến trước Phật lấy hạt châu dâng lên Phật, Phật liền nhận hạt châu. Bà hỏi ngài Trí Tích và Xá Lợi Phất: "Các ngài thấy Thế Tôn nhận hạt châu của tôi dâng lên, lâu hay mau?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Mau lắm".

Bà Long nữ nói: "Tôi thành Phật cũng nhanh như vậy".

Liền đó bà sang phương Nam nước Vô Cấu chuyển thân thành Bồ tát, thành Phật liền, nhờ cái gì mà mau thành Phật vậy? Nhờ bà nhận ra tri kiến Phật là trí không kẹt hai bên. Trí đó không nam nữ nên không bị chướng, còn thân nghiệp chướng sâu dày của người nữ (tôi nói đây không phải chê) là đứng trên nghiệp tướng mà nói, tri kiến Phật đứng bên Phật tánh hay trên pháp thân mà nói. Nhìn trên Phật tánh hay trên pháp thân thì không có nam nữ, không có hai, còn thấy nam nữ là nhìn trên nghiệp tướng là tương đối, là hư giả đâu có thật. Vậy tại sao mình khư khư chấp cái giả dối, khổ sở mang chuyển cái giả dối này sang giả dối khác làm chi cho cực nhọc. Biết rõ giả huyễn thì nữ nam cũng là giả, ngay đó mình sống với cái chân thật không nam không nữ cho khỏe. Quý vị nên biết, trí huệ siêu thoát cái chấp tương đối. Trí huệ đó là tri kiến Phật, cho nên bà Long nữ

thành Phật chỉ trong chớp mắt. Quý vị tu theo đường lối này cũng vậy, làm sao thành Phật trong chớp mắt khỏi chuyển thân nữ nam gì hết. Đó là kinh Pháp hoa.

KINH DUY MA CẬT

Trong kinh Duy Ma Cật, phẩm "Bất Nhị pháp môn" có cả thầy 32 vị Bồ tát giải thích về pháp môn bất nhị. Tôi kể vị thứ nhất là Bồ Tát Pháp Tự Tại giải thích pháp môn bất nhị như vậy: "Sanh diệt là hai, pháp xưa nay chẳng sanh chẳng diệt. Được vô sanh pháp nhãn gọi là pháp môn không hai".

Sanh diệt là hai, đây là sanh, kia là diệt, thấy hai cái đó là hai bên, giờ cái sanh không thật sanh, diệt không thật diệt thì không hai, thấy được lẽ không hai đó là nhập được Vô sanh pháp nhãn là pháp môn bất nhị.

Pháp môn bất nhị là không kẹt hai bên, không kẹt hai bên tức là nhập pháp môn bất nhị. Các vị Bồ tát đều trình bày chỗ thấy của mình, tức là hai cái động, tịnh v.v... cũng hết như vậy ở đây tôi không nêu ra. Cuối cùng ngài Văn Thù cũng trình bày về pháp môn không hai. Nghĩa là ngôn ngữ dẹp ngôn ngữ. Trình bày xong, ngài Văn Thù hỏi ông Duy Ma Cật: "Chúng tôi đã trình bày về pháp môn bất nhị xong, phiên nhân giả nói pháp môn bất nhị cho chúng tôi nghe".

Ngài Duy Ma Cật lên tòa ngồi kiết già rồi làm thỉnh. Ngài Văn Thù khen: "Hay thay! Hay thay! Không có văn tự ngôn ngữ mới là chân thật pháp môn không hai".

Chân thật nhập pháp môn không hai là không có ngôn ngữ. Tại sao vậy? Vì mở miệng thành hai rồi, bởi vì ngôn ngữ luôn luôn lập trong đối đãi: nói phải sẽ có quấy, nói có sẽ có không, nói hơn sẽ có thua v.v... mở miệng ra là nằm trong cái hai. Vì vậy ngài Duy Ma Cật ngồi lặng thỉnh, được Bồ tát Văn Thù khen ngợi. Đó là chỗ không còn ngôn ngữ, chỗ đó mới thật nhập pháp môn không hai. Tôi đã dẫn phần Kinh rồi, bây giờ tới Thiền sư.

THIỀN

1. Trước là tổ Tăng Xán: Tăng Xán là tổ thứ ba. Bài Tín Tâm Minh của ngài tôi đọc vài đoạn cho quý vị nghe:

Chí đạo vô nan,

Duy hiềm giản trách.

Đản mặc tắng ái,

Đồng nhiên minh bạch.

Hào ly hữu sai,

Thiên địa huyền cách.

Dục đắc hiện tiền,

Mạc tồn thuận nghịch.

Tôi chỉ dẫn hai đoạn thôi. Bốn câu trên ngài nhấn mạnh hai chữ tăng ái. Dẫn mạc tăng ái nghĩa là chớ theo yêu ghét thì Đồng nhiên minh bạch là rõ ràng sáng suốt. Tiếp theo Dục đắc hiện tiền nghĩa là muốn thấy hiện tiền trước mắt thì Mạc tồn thuận nghịch là chớ còn thuận nghịch, nếu còn thuận nghịch thì không còn hiện tiền, nếu còn yêu ghét thì không rõ ràng minh bạch. Ngài chỉ cho chúng ta thấy người còn chấp hai là còn bị kẹt.

Tôi giải thích từ đầu: chí đạo là đạo tốt cùng, đạo đó không khó, mà tại sao khó? Khó tại mình giảng trạch, giảng trạch là sao? Là lựa chọn có một, có hai, có tốt, có xấu. Chí đạo thì không khó, bởi giảng trạch nên trở thành khó. Như vậy vì phân biệt nên có yêu ghét. Nếu dứt được yêu ghét thì chí đạo hiện tiền, rõ ràng minh bạch. Sau đó ngài bảo nếu còn một mảy may sai biệt thì xa cách đạo như trời với đất. Vậy muốn thấy chí đạo trước mắt, thì chớ còn thuận nghịch, yêu ghét; thuận nghịch là những về chỉ về hai, cái hai mất rồi thì chí đạo trước mắt rõ ràng minh bạch. Ở đây tổ Tăng Xán chỉ cho chúng ta rõ ràng muốn thấy chí đạo phải rời chấp hai.

2. Bây giờ đến Lục tổ Huệ Năng. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Phổ chúc, ngài dạy: "Nay tôi dạy các ông pháp chẳng mất bản tông, nếu người hỏi có, đem không đổi, hỏi không đem có đáp; hỏi phàm lấy thánh đáp, hỏi thánh lấy phàm đối. Nếu hỏi thế nào là có? Phải nói bởi không mà có. Hỏi thế nào là không? Đáp bởi có thành không..." Nói vậy là giải thích có và không là đối đãi, là nương nhau. Nương cái không mà nói có, có không, không có thật. Nếu thấy có không không thật thì phàm thánh không thật, tốt xấu, hơn thua, phải quấy cũng không thật, nhưng có chịu chấp nhận sống với phải quấy, hơn thua không thật đó không? Chắc không chịu, nếu chịu sống với cái không thật thì là thánh rồi. Tại sợ làm thánh buồn, nên ưng làm phàm, rồi chấp nhận phải quấy, nên gặp nhau ngồi nói chuyện phải quấy, hơn thua... Bây giờ muốn làm thánh thì sao? Chỉ cần bỏ hai cái đó thôi, đừng nói tốt xấu v.v... những thứ đó đều không thật. Thấy không thật thì không chấp, phiền não không sanh. Bỏ được những thứ đó có dễ không? Người xưa nói:

"Điểm thiết hóa thành kim ngọc dị, khuyết nhọn từ khước thị phi nan", nghĩa là chỉ sắt hoá vàng ngọc dễ, khuyên người đẹp bỏ phải quấy khó. Bỏ được phải quấy khó vì nghiệp chướng sâu dày. Nói hơn thua, phải quấy, tốt xấu đều là phàm phu. Bây giờ bỏ hết những thứ không thật có, không chấp hai bên, đó là trí huệ của Thánh nhân, là tri kiến Phật, không cần tìm đâu xa.

Đừng chấp như vậy là Thánh, cho nên người tu muốn thoát phàm phải ứng dụng triệt để cái thấy không hai bên. Không chấp hai bên là thoát ly sanh tử, mắc kẹt hai bên là đi sâu vào sanh tử. Bởi không thấy hai bên là trí huệ siêu sanh tử, còn thấy hai bên là trí phàm phu sanh tử. Cho nên các thiền sư áp dụng triệt để lối phá chấp hai bên.

3. Tới hòa thượng Thạch Đầu, có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là giải thoát?
- Ai trói buộc người.
- Thế nào là Tịnh Độ?
- Ai đem sanh tử cho người?

Như vậy, ngài Thạch Đầu có trung thực với Lục Tổ dạy hay không? Ngài Thạch Đầu trả lời có mắc kẹt hai bên không? Hỏi giải thoát thì ngài dùng trói buộc để đáp, hỏi tịnh độ thì dùng uế trược đáp, hỏi Niết bàn dùng sanh tử đáp. Chúng ta thấy nếu sanh tử không thật thì Niết bàn không thật, tịnh độ không thật thì uế không thật... hai điều đó là đối đãi, tạm bợ không có thật. Bởi không thật mà chấp tức là ngu si. Vì chấp có thật nên thấy thật có, nếu thấy không thật thì hết chấp.

Thí dụ người ta chửi mình là con chó, mình biết đó là lời nói không thật thì có giận không? Nếu mình nổi giận là mình thấy lời nói đó có thật. Như vậy thấy không thật thì không chấp, không chấp thì không khổ đau. Tu là để giải thoát khổ đau, chấp là nguồn gốc của khổ đau. Tu là để giải thoát, chấp là trói buộc, cho nên các thiền sư ứng dụng triệt để lối phá chấp hai bên.

4. Ngài Mục Châu là sư huynh của Tổ Lâm Tế. Có vị Tăng hỏi:

- Lấy một lớp và đẹp một lớp thì chẳng hỏi, khi chẳng lấy, chẳng đẹp thì thế nào?

Ngài đáp:

- Hôm qua trồng cà, ngày mai trồng dưa là thế nào? Lấy một lớp, đẹp một lớp thì chẳng hỏi, nghĩa là tôi không nói lấy một đẹp hai bên, chẳng lấy chẳng đẹp, bỏ cả hai bên

thì lúc ấy làm sao? Hôm qua trồng cà, ngày mai trồng dưa, nếu tôi nói ra hết, tức là dành phần của quý vị rồi. Đó là hình ảnh của người xưa.

5. Tôi kể cho quý vị nghe câu chuyện, ngài Sơ Sơn là một thiền khách đến hỏi đạo ngài Qui Sơn. Khi đến nơi, ngài Sơ Sơn thưa rằng: "Con được nghe hòa thượng nói câu có câu không như bìm leo cây, bồng cây ngã bìm khô thì câu về chỗ nào?" Câu hỏi này giống câu hỏi ở trên không? Câu có câu không, Tổ Qui Sơn muốn nói có không như vậy là dây bìm. Dây bìm và cây là hai nương nhau, có không cũng là hai. Bây giờ không hỏi hai bên nữa thì khi cây ngã, bìm khô thì câu về chỗ nào? Khi hết hai rồi thì lúc đó ra sao?

Ngài Qui Sơn cười ha hả, không nói câu nào hết. Ngài Sơ Sơn thấy vậy tức mình quá thưa: "Con từ 4.000 dặm tới đây hỏi đạo và hòa thượng đùa như vậy". Khi đó ngài Qui Sơn kêu thị giả đem tiền hoàn lại cho ngài Sơ Sơn và nói: "Tôi hoàn tiền công ông đi xa đó. Sau sẽ có con rỗng một mắt vì ông điểm phá".

Ngài Sơ Sơn từ giả ra đi, một thời gian lâu xa đến một vị thiền sư là ngài Huệ Chiếu chỉ có một mắt. Ngài đánh lễ thưa hỏi. Ngài Huệ Chiếu hỏi:

- Ông từ đâu đến?
- Từ Qui Sơn đến.
- Có gì ở Qui Sơn kể lại nghe.

Ngài Sơ Sơn thuật lại câu hỏi và ngài Qui Sơn cười như vậy.

Ngài Huệ Chiếu nói:

- Qui Sơn đầu chánh, đuôi chánh chỉ vì không gặp tri âm.

Ngài Sơ Sơn nghe không hiểu, nên đặt câu hỏi lại với ngài Huệ Chiếu:

- "Khi cây ngã bìm khô thì câu về chỗ nào?"

Ngài Huệ Chiếu liền nói: "Nụ cười của Qui Sơn lại thêm tươi.

Ngay đó ngài Sơ Sơn ngộ đạo, ngài nói : "Đâu ngờ trong nụ cười của Qui Sơn lại có đạo". Sau này có một thiền sư là ngài Hoàng Trí làm bài tụng bốn câu:

Thọ đảo đẳng khô vấn Qui Sơn,
Đại tiểu ha ha khởi đẳng nhàn.
Tiểu lý hữu đạo quy đặc phá,
Ngôn tư vô lộ tuyệt cơ quan.

Tạm dịch:

Bìm khô cây ngã hỏi Qui Sơn,
Ha hả cười to há rỗng tron.
Đạo sẵn trong cười xem được thấu,
Không đường bật nghĩ, bật mối manh.
Vậy ngài nói cái gì?

Bìm khô cây ngã hỏi Qui Sơn là lập lại câu hỏi của Sơ Sơn. Ha hả cười to há rỗng tron, cười ha hả đó không phải là cười không đâu. Đạo sẵn trong cười xem được thấu là biết trong tiếng cười có đạo tức ngộ đạo. Không đường bật nghĩ, bật mối manh, chỗ đó không có đường nói năng suy nghĩ, bật hết mối manh. Tôi hỏi lại, thay vì trong tiếng cười của Qui Sơn có đạo, bây giờ nói trong tiếng cười của Qui Sơn có Cam lồ được không?Được, tại sao nói đạo là cam lồ được? Quý vị thấy đạo lý sâu kín mà hiện tiền. Ngài Qui Sơn cười, lúc đó Sơ Sơn tưởng đùa với mình, khi mình đang khao khát đạo lý, thưa hỏi ngài chỉ cười không nói câu nào hết, không tức sao được.

Vì thế Sơ Sơn nói con từ ngàn dặm tới mà hòa thượng lại đùa như vậy! Ngài Qui Sơn lấy tiền hoàn hoàn lại công ông đi xa tới đây chớ không nói gì hết. Mặc cho Sơ Sơn tức tối, Qui Sơn không nói thêm một câu. Như vậy tiếng cười của Qui Sơn cười để mà cười hay có ngụ ý gì? Tiếng cười của Qui Sơn và sự im lặng của Duy Ma Cật có giống nhau không? Nếu giống nhau thì trong tiếng cười có đạo hay có Cam lồ cũng giống. Thấy trong tiếng cười có đạo hay có cam lồ tức là xem được thấu. Câu chốt của bài kệ Ngôn tư vô lộ tuyệt cơ quan là chỗ đó không còn hai bên, đâu còn lời để nói, đâu còn chỗ để nghĩ nên bật hết mối manh, chỉ còn tiếng cười và sự im lặng. Thấy được tiếng cười và sự im lặng là đến chỗ cuối cùng. Còn tức tối như ngài Sơ Sơn là còn mang gói đi nữa.

KẾT LUẬN

Quý vị thấy chỗ tốt cùng của người xưa muốn cho chúng ta thấy mà không dùng lời, vì dùng lời đã trật, nên chỉ cười thôi. Còn bên kia khi hết hai bên thì chỉ im lặng. Quý vị thấy Duy Ma Cật là Kinh, Tổ Qui Sơn là Thiền, hai bên có giống nhau không? Đâu có hai, như vậy mới thấy thiền là cốt tủy của kinh, kinh là nguồn gốc của thiền. Hiểu như vậy, tu hành muốn đạt đạo, muốn tiến đến chỗ không còn trầm luân sanh tử, phải không chấp hai bên. Cho nên các vị thiền sư hỏi thiền khách thường gài cái hai bên, nếu thiền

khách trả lời bên này hay bên kia, ngài đưa hai ngón tay để chỉ rằng người nào còn kẹt
hai bên thì chưa thấy đạo. Thấy đạo cười hay im lặng. Quý vị thấy chưa?

Sang năm Giáp Tý này, tôi chúc quý vị:

"Nụ cười của ngài Qui Sơn lại thêm tươi"

Đó là câu chúc đầu năm của tôi.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

